

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2020/DS-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài
sản + hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản + hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4. *Người làm chứng:*

4.1 Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt;

3.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 28/10/2012, vợ chồng ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K có đến nhà vay 15 chỉ vàng 9999 và nợ tiền hội 50.000.000đồng, tiền vay 4.000.000đồng, tiền mượn 1.000.000đồng, hứa đến tháng trả vốn lãi nhưng khi đến hạn thì không trả; ngày 13/9/2013, vợ chồng ông L, bà K chỉ trả được 15 chỉ vàng 9999, còn lại tiền thì không trả, không đóng lãi. Nay, khởi kiện yêu cầu ông L, bà K trả số tiền hội 50.000.000đồng và tiền vay mượn 5.000.000đồng, tổng cộng 55.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà C xác định theo tờ tự khai ngày 15/9/2020: cả hai dây hội mỗi dây có 15 hội viên, ông L hốt đầu tiên còn lại 14 lần hội chết, đến nay hội đã mất, bà đã châu thay cho các hội viên khác nên phần hội 2.000.000đồng còn hội chết là 28.000.000đồng, phần hội 1.000.000đồng còn hội chết là 14.000.000đồng. Do trước đó ông L vay tiền của bà còn thiếu là 58.000.000đồng, trả còn 8.000.000đồng và ông L không châu hội chết 02 dây là 42.000.000đồng, bà mới cộng vào biên bản chốt nợ ngày 29/12/2012 thành tiền hội là 50.000.000đồng; Đối với số tiền vay mượn 5.000.000đồng, trong giấy biên nhận nợ ngày 29/12/2012 ghi 4.000.000đồng, sau đó mượn thêm 1.000.000đồng không có làm giấy.

Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K trình bày: không có nợ tiền của bà C. Năm 2010, ông L có vay bà C 15 chỉ vàng 9999 và đã trả xong. Riêng, đối với số tiền vay mượn 5.000.000 đồng, bà K xác nhận có vay mượn nhưng đã trả xong.

Tại kết luận giám định số 11 ngày 18/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: 04 chữ ký trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký Huỳnh Văn Lành trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M3) do cùng một người ký ra; Không đủ cơ sở kết luận 04 chữ ký trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Huỳnh Văn L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4 đến M8) có phải do cùng một người ký ra hay không.

Bà Trần Thị Kim T trình bày: bà và bà C, ông L không có quan hệ bà con, thân thích với nhau mà chỉ là người chơi hội do bà C làm chủ hội. Bà có tham gia hội do bà C làm chủ, Dây 1.000.000đồng hội mở ngày 19/4/2011, có 15 người tham gia, bà tham gia một chung, ông L tham gia một chung; dây hội 2.000.000đồng, có 15 người tham gia, bà tham gia một chung, ông L tham gia một chung. Ông L hốt hội lần khai thứ nhất, hội 1.000.000đồng bỏ 100.000đồng, hội 2.000.000đồng bỏ 175.000đồng; phần bà hốt kỳ thứ 7. Bà C đã giao đủ cho bà phần hội chết của ông L.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: bà và bà C, ông L chỉ là người chơi hội do bà C làm chủ. Bà và ông L tham gia hội với bà C làm chủ, Dây 1.000.000đồng hội mở ngày 19/4/2011, có 15 hội viên, ông L hốt đầu tiên, ông bỏ 100.000đồng; dây hội 2.000.000đồng, mở ngày 19/11/2011 có 15 hội viên ông L hốt đầu bỏ

175.000đồng để hốt; bà hốt chót, bà C giao đủ cho bà phần hui chết của ông L. Khi tham gia hui bà lấy tên theo tên chồng là “Dũng” và tham gia chơi mỗi đây là hai chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C đối với ông Huỳnh Văn L, bà Nguyễn Thị Thu K;

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu K liên đới cùng ông Huỳnh Văn L trả bà Vũ Thị C số tiền 55.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị C khởi kiện ông Huỳnh Văn L tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông L có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L trình bày không biết chữ, không biết ký tên và xác nhận trong văn bản Tòa án chỉ gạch chữ thập và lấn dấu vân tay, không thừa nhận chữ ký của ông trong biên nhận, bà C cung cấp chứng cứ là bản chính biên nhận, giấy hui 1.000.000đồng ngày 19/4/2011 giấy hui 2.000.000đồng ngày 19/11/2011, và yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ ông L đi đăng ký hộ khẩu cho con tại xã Long Điền B để thực hiện giám định. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại công an xã Long Điền B và Công an huyện Chợ Mới và đã tiến hành thực hiện trung cầu giám định là theo đúng quy định pháp luật.

[4] Bà Vũ Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K trả số tiền hui còn thiếu là 50.000.000đồng và tiền vay mượn 5.000.000đồng, căn cứ khởi kiện là giấy biên nhận nợ ngày 29/12/2012. Quá trình giải quyết ông L không thừa nhận chữ ký của ông trong biên nhận. Kết quả

giám định không khẳng định chữ ký trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Huỳnh Văn L trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C cung cấp thêm chứng cứ và căn cứ giấy hội; trong quá trình thu thập chứng cứ ông L, bà K xác định hai người là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và đang sống chung hạnh phúc và xác định năm 2010, ông L có vay bà C 15 chỉ vàng 9999 và đã trả xong.

[5] Đối với số tiền vay mượn 5.000.000đồng, trong giấy biên nhận nợ ngày 29/12/2012 ghi 4.000.000đồng, bà C nêu cho mượn một lần có ghi vào biên bản chốt nợ ngày 29/12/2012, sau đó mượn thêm 1.000.000đồng không có làm giấy; tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2016, bà K xác nhận có vay mượn nhưng đã trả xong, bà C không thừa nhận đã nhận số tiền 5.000.000đồng, bà K nêu đã trả nhưng không chứng minh được đã trả cho bà C cho nên yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận;

[6] Đối với số tiền hội 50.000.000đồng theo giấy biên nhận nợ ngày 29/12/2012, bà C căn cứ chứng cứ là giấy hội 1.000.000đồng ngày 19/4/2011, giấy hội 2.000.000đồng ngày 19/11/2011. Bà C có tờ tự khai xác định: cả hai dây hội mỗi dây có 15 hội viên, ông L hốt đầu tiên còn lại 14 lần hội chết, đến nay hội đã mãn, bà C đã châu thay cho các hội viên khác nên phần hội 2.000.000đồng còn hội chết là 28.000.000đồng, phần hội 1.000.000đồng còn hội chết là 14.000.000đồng. Do trước đó ông L vay tiền của bà C còn thiếu là 58.000.000đồng, trả còn 8.000.000đồng và ông L không châu hội chết 02 dây là 42.000.000đồng, bà C mới cộng vào biên bản chốt nợ ngày 29/12/2012 thành tiền hội là 50.000.000đồng.

[7] Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ là giấy hội và chứng cứ là lời trình bày của những người làm chứng và những chứng cứ có trong hồ sơ được Tòa án công bố nên có cơ sở xác định số tiền nợ của các bên tranh chấp và do ông L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C là có căn cứ và được chấp nhận.

[8] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự ngày 16/6/2016 và ngày 24/6/2016, ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K xác định hai người là vợ chồng, có kết hôn, hiện nay vợ chồng còn sống chung hạnh phúc. Tuy, bà K không trực tiếp giao dịch với bà C; ông L là người trực tiếp giao dịch với bà C. Vào thời điểm giao dịch với bà C thì hôn nhân ông L, bà K đang tồn tại, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án buộc ông L, bà K cùng liên đới trả tiền.

[9] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

[10] Về chi phí: Chi phí giám định 3.600.000đồng, Bà Vũ Thị C đã tạm nộp, yêu cầu của bà C là có căn cứ được Tòa án chấp nhận cho nên căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự ông Huỳnh Văn L phải chịu chi phí này và có nghĩa vụ hoàn trả cho người đã tạm nộp.

[11] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C và xử như sau:

1) Buộc ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền là 55.000.000đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng).

2) Về chi phí: Ông Huỳnh Văn L phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Vũ Thị C số tiền 3.600.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

3) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4) Về án phí: ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự là 2.750.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000đồng (Bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004138 ngày 26/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng